

H, ngày 23 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hồng Tư
2. Bà Trịnh Hồng Cẩm

Căn cứ vào các điều 212, 213, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 219, các điều 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2, khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 141/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2019;

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Đồng nguyên đơn: Ông **A**, sinh năm 1975 và bà **B**, sinh năm 1982. Cùng địa chỉ: Ấp **E**, xã **G**, huyện **H**, tỉnh **Bạc Liêu**.

- Đồng bị đơn: Ông **C**, sinh năm 1956, bà **D**, sinh năm 1959 và anh **E**, sinh năm 1991. Cùng địa chỉ: Ấp **E**, xã **G**, huyện **H**, tỉnh **Bạc Liêu**.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu thanh toán số tiền lãi 54.000.000 đồng của đồng nguyên đơn ông **A** và bà **B** đối với đồng bị đơn ông **C**, bà **D** và anh **E**. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông **A**, bà **B** đối với ông **C**, bà **D** và anh **E** về việc yêu cầu thanh toán số tiền lãi là 54.000.000 đồng.

2.2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **A**, bà **B** đối với ông **C**, bà **D** và anh **E** về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2.3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông **C**, bà **D** và anh **E** về việc thanh toán cho ông **A**, bà **B** số tiền nợ gốc là 360.000.000 đồng. Buộc ông **C**, bà **D** và anh **E** cùng

có nghĩa vụ thanh toán cho ông A, bà B số tiền 360.000.000 đồng (ba trăm sáu mươi triệu đồng).

2.4. Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.5. Buộc ông A, bà B trả lại cho ông C, bà D và anh E bản chính 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng số AB 936114 được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu cấp cho hộ ông C ngày 26/01/2005 tại thửa đất số 795, tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại ấp E2, xã G2, huyện H (nay là huyện H1), tỉnh Bạc Liêu.

2.6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông C, bà D và anh E phải nộp 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu; hoàn trả cho ông A, bà B số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 10.280.000 đồng (mười triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) tại Biên lai số 0004884 ngày 23/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

ĐÃ KÝ

Nguyễn Hoàng Tính